

PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ PHÂN HOÁ GIÁO DỤC Ở PHỔ THÔNG

• PGS.TS. NGUYỄN CÔNG GIÁP
Học viện Quản lý Giáo dục

1. Quan niệm cung cầu trong quan hệ kinh tế và giáo dục

1.1. Khái niệm cung cầu của kinh tế-xã hội đối với giáo dục

Về phương diện kinh tế-xã hội, có thể hiểu khái niệm cung cầu như sau:

Cung của nền kinh tế-xã hội: Đó là khả năng của nền kinh tế-xã hội có thể đáp ứng về nguồn lực (vật lực, nhân lực, tài lực) phục vụ phát triển giáo dục trong một giai đoạn nhất định.

Nhu cầu của nền kinh tế-xã hội đối với giáo dục: Đó là nhu cầu về đội ngũ lao động được giáo dục đào tạo với các loại trình độ và nghề nghiệp khác nhau nhằm phục vụ phát triển kinh tế-xã hội trong một giai đoạn nhất định.

Nhu cầu kinh tế-xã hội đối với giáo dục chỉ nhu cầu cá nhân, xã hội có khả năng chi trả cho giáo dục. Nhu cầu kinh tế-xã hội đối với giáo dục có thể chia ra nhu cầu xã hội về giáo dục và nhu cầu cá nhân về giáo dục.

a) *Nhu cầu xã hội về giáo dục:* Nhu cầu xã hội về giáo dục là nhu cầu có khả năng chi trả cho giáo dục được phát sinh từ nhu cầu cần có nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn khác nhau để phát triển kinh tế-xã hội cho một quốc gia trong một giai đoạn nhất định trong tương lai. Kinh tế càng phát triển thì nhu cầu xã hội về giáo dục càng lớn và càng đa dạng theo hướng phân hoá theo ngành nghề và loại hình. Nhà nước có thể tác động làm tăng hoặc giảm nhu cầu xã hội về giáo dục thông qua các chủ trương chính sách (ví dụ: quy định muốn hành nghề nào đó phải có bằng cấp thì bắt buộc những người theo ngành đó phải học để lấy bằng cấp, hoặc chủ trương miễn học phí cho những ai theo học ngành sư phạm cũng làm tăng nhu cầu học ngành sư phạm).

Các nhân tố ảnh hưởng đến nhu cầu xã hội về giáo dục có thể như sau:

- *Thứ nhất, tình hình dân số:* Do đối tượng

của giáo dục là con người, chủ yếu là trẻ em và thanh thiếu niên, nên tình hình cơ cấu dân số của một đất nước, bao gồm tốc độ tăng dân số và cơ cấu độ tuổi, sẽ quyết định xu hướng và quy mô nhu cầu xã hội về giáo dục. Quy mô dân số tăng dẫn đến nhu cầu về giáo dục cũng đa dạng hơn, xuất hiện nhiều nhóm dân cư với động cơ và giá trị khác nhau. Đặc biệt, đối với những quốc gia có nhiều thành phần dân tộc khác nhau thì động cơ và giá trị cũng sẽ rất khác nhau.

- *Thứ hai, trình độ phát triển kinh tế và khoa học công nghệ:* Yếu tố này tác động đến nhu cầu xã hội về giáo dục dưới ba phương diện. Một là, yếu tố này tạo ra các tầng bậc khác nhau, các trình độ khác nhau và các ngành nghề khác nhau của giáo dục. Kinh tế và khoa học công nghệ càng phát triển thì phân công ngành nghề và chuyên môn hóa ngày càng sâu, đòi hỏi nhiều chủng loại nhân lực với trình độ chuyên môn khác nhau. Hai là, yếu tố này tạo ra tính liên tục của nhu cầu xã hội về giáo dục, tức là, do kinh tế và khoa học công nghệ phát triển nhanh chóng nên ngành nghề cũng thay đổi nhanh chóng. Những ngành nghề đã được đào tạo nhanh chóng bị lạc hậu, cần học ngành nghề mới. Do vậy, nhu cầu xã hội về giáo dục luôn luôn phát sinh, đòi hỏi cần được đáp ứng. Ba là, nếu trong một quốc gia có sự khác nhau đáng kể về trình độ phát triển kinh tế giữa các vùng, có sự phân hoá giàu nghèo giữa các vùng và các dân tộc, giữa các thành phần xã hội và cá nhân thì nhu cầu giáo dục giữa các nhóm dân tộc, các thành phần xã hội và cá nhân cũng sẽ rất khác nhau.

- *Thứ ba, chủ trương, chính sách của nhà nước:* Chủ trương, chính sách của Nhà nước về giáo dục có tác động trực tiếp đến quy mô nhu cầu xã hội về giáo dục. Ví dụ, nếu Nhà nước chủ trương phổ cập giáo dục 9 năm thì nhu cầu xã hội về giáo dục sẽ tăng lên so với khi chỉ tiến



hành phổ cập giáo dục 5 năm. Nhà nước chủ trương phát triển lĩnh vực nào, vùng miền nào, ngành nghề nào thì nhu cầu xã hội về giáo dục cho các lĩnh vực ấy sẽ xuất hiện và tăng lên.

b) Nhu cầu cá nhân về giáo dục: Nhu cầu cá nhân về giáo dục là nhu cầu có khả năng chi trả cho giáo dục của một cá nhân. Động cơ của nhu cầu cá nhân về giáo dục có thể như sau:

- *Thứ nhất là nhu cầu về cuộc sống tinh thần:* Do kinh tế phát triển, thu nhập tăng, thời gian rảnh rỗi nhiều hơn nên con người có nhu cầu hiểu biết thêm các lĩnh vực khác, cần học thêm để chất lượng cuộc sống phong phú hơn.

- *Thứ hai là nhu cầu về đời sống vật chất:* Đây là động cơ chủ yếu về nhu cầu giáo dục của đại đa số người dân. Đi học với mục tiêu là sau này có thu nhập nhiều hơn, cao hơn cho bản thân.

- *Thứ ba là nhu cầu về địa vị xã hội:* Đi học để sau này có một địa vị xã hội cao hơn là động lực của nhiều người. Không chỉ bản thân học sinh có động cơ này mà phụ huynh học sinh cũng mong muốn con mình đi học để sau này có địa vị tương xứng trong xã hội.

Nhu cầu cá nhân về giáo dục chịu tác động của nhiều yếu tố, trong đó chủ yếu là các nhân tố sau đây:

- *Thứ nhất là khả năng bẩm sinh của mỗi người.* Đây là nhân tố quan trọng nhất ảnh hưởng đến nhu cầu cá nhân về giáo dục. Người có năng lực bẩm sinh cao thì có khả năng tiếp nhận trình độ giáo dục cao, do đó nhu cầu giáo dục của họ khá lớn. Năng lực bẩm sinh của từng cá nhân cũng rất khác nhau, thiên hướng khác nhau, do đó nhu cầu về từng loại chuyên môn được đào tạo cũng khác nhau. Ví dụ, người có thiên hướng về âm nhạc, người có thiên hướng về hoạ, người có thiên hướng về nói và giao tiếp, người có thiên hướng về làm việc cơ bắp chân tay v.v...

- *Thứ hai là hoàn cảnh kinh tế-xã hội của gia đình.* Vì đi học phải mất học phí, nên những gia đình có điều kiện kinh tế khó khăn chắc chắn phải cân nhắc khi cho con em họ đi học. Hơn nữa, các gia đình khá giả thường tạo điều kiện cho con mình học sâu hơn, trình độ cao hơn và theo các hướng ngành nghề hiện đại có tính thời thượng. Học sinh xuất thân từ những vùng có

điều kiện kinh tế khó khăn thường có kết quả học tập yếu hơn, động lực học tập không cao, xu hướng lựa chọn ngành nghề cũng thường giới hạn trong những ngành nghề hiện có tại địa phương mà các em sinh sống.

- *Thứ ba là mức học phí.* Học phí là giá thành giáo dục mà học sinh phải chi trả. Nếu học phí quá cao thì sẽ tác động đến khả năng chi trả của học sinh và do đó sẽ tạo ra sức ép lên nhu cầu cá nhân về giáo dục. Trong bối cảnh này thì học sinh nghèo ít khi lựa chọn con đường học tập lên các trình độ cao hơn, và thường chọn con đường đi làm để kiếm sống. Điều này cũng ảnh hưởng đến tổ chức giáo dục phân hoá trong nhà trường.

- *Thứ tư là lợi ích trong tương lai của giáo dục đối với cá nhân.* Nếu lợi nhuận đầu tư cho giáo dục cao hơn, nhu cầu của mọi người về giáo dục sẽ lớn hơn. Nếu mức lợi nhuận đầu tư cho giáo dục thấp, hứng thú của mọi người đối với giáo dục sẽ giảm, nhiều người sẽ bỏ cơ hội đi học mà tìm nghề khác để đầu tư. Giáo dục phân hoá cũng phải tính đến điều này.

1.2. Khái niệm cung cầu của giáo dục đối với kinh tế-xã hội

Về phương diện giáo dục, có thể hiểu khái niệm cung cầu đối với kinh tế - xã hội như sau:

a) *Cung của giáo dục đối với kinh tế-xã hội* thể hiện qua sự đáp ứng đội ngũ lao động có trình độ học vấn và nghề nghiệp phù hợp với trình độ phát triển kinh tế-xã hội theo từng giai đoạn nhất định.

Với chức năng của mình là tái sản xuất sức lao động phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, giáo dục có nhiệm vụ tạo ra nhiều diện đào tạo, ngành nghề đào tạo phù hợp với đòi hỏi của quá trình sản xuất và đời sống xã hội. Quá trình phân hoá giáo dục thể hiện qua hệ thống ngành nghề đào tạo và diện đào tạo không chỉ chịu tác động của kinh tế - xã hội mà đến lượt mình, giáo dục cũng tác động ngược lại kinh tế - xã hội thông qua nguồn nhân lực được đào tạo theo những ngành nghề và diện đào tạo đã được phân hoá.

Cung giáo dục là những cơ hội mà cơ quan giáo dục các cấp của một quốc gia có khả năng cung cấp cho người cần giáo dục trong một thời gian nhất định nào đó. Khả năng cung giáo dục phụ thuộc vào các vấn đề sau đây:

- Thứ nhất là đội ngũ giáo viên. Cung giáo viên gồm hai mặt: số lượng và chất lượng đội ngũ giáo viên. Số lượng giáo viên ít, chất lượng giáo viên thấp sẽ hạn chế khả năng cung giáo dục.

- Thứ hai là bố trí nguồn đầu tư cho giáo dục. Đầu tư cho giáo dục là cơ sở vật chất đảm bảo cung cấp và phát triển giáo dục. Quy mô đầu tư quá ít sẽ không đảm bảo có đủ trường sở, thiết bị dạy học và đội ngũ giáo viên, và do đó sẽ không phát triển được giáo dục.

- Thứ ba là giá thành đơn vị giáo dục. Khi tổng đầu tư cho giáo dục là một con số nhất định thì giá thành đơn vị giáo dục cao sẽ làm giảm cơ hội học tập của nhiều người.

- Thứ tư là thái độ và nhận thức của xã hội về giáo dục. Nhận thức đúng hay sai về vai trò của giáo dục sẽ quyết định sự đúng đắn trong lựa chọn đầu tư và có ảnh hưởng vô cùng lớn trong cung cấp giáo dục. Nếu một quốc gia nào nhận thức đúng đắn về vấn đề này sẽ làm tăng cơ hội giáo dục mà xã hội đang cần.

b) Cầu của giáo dục đối với kinh tế-xã hội thể hiện ở nhu cầu về các nguồn lực (nhân lực, vật lực, tài lực) cần thiết cho sự phát triển sự nghiệp giáo dục.

Kinh tế - xã hội luôn luôn là cơ sở vật chất của sự nghiệp phát triển giáo dục. Giáo dục không thể tự mình phát triển nếu như không có các điều kiện về tài chính để trang trải cho các khoản chi thường xuyên, đầu tư cơ bản và các khoản chi khác. Giáo dục càng phân hoá thì càng cần đầu tư tài chính nhiều hơn vì giáo dục phân hoá đòi hỏi nhiều hoạt động hơn, cần nhiều cơ sở vật chất hơn và cần nhiều lao động hơn.

Cầu của giáo dục đối với kinh tế - xã hội còn thể hiện ở khả năng cung ứng việc làm từ phía kinh tế - xã hội mà qua đó xuất hiện nhiều lĩnh vực việc làm, nhiều ngành nghề cần nhân lực qua đào tạo theo những chuyên môn hoá sâu và nghiệp vụ khác nhau. Giáo dục sẽ không phát triển, sẽ không được phân hoá nếu như ngành nghề kinh tế - xã hội không phát triển đa dạng, không thu hút lao động qua đào tạo với những diện đào tạo và chuyên ngành đào tạo khác nhau.

2. Yếu tố kinh tế-xã hội đối với phát triển

giáo dục nói chung và giáo dục phân hoá nói riêng

a) *Xét về phương diện cấu:* Quá trình phát triển nền kinh tế - xã hội của loài người cho thấy, cùng với sự phát triển của lực lượng sản xuất, đặc biệt là khoa học - công nghệ, nền sản xuất cũng ngày càng phát triển theo kiểu mô hình phản ứng hạt nhân, nghĩa là các loại ngành nghề sản xuất, các loại hình dịch vụ xã hội phát triển theo hướng chuyên môn hoá sâu hơn, đa dạng hơn và phong phú hơn. Xu thế này của nền kinh tế - xã hội dẫn đến xuất hiện nhu cầu về các loại hình nhân lực khác nhau được giáo dục, đào tạo theo những diện khác nhau, theo các loại trình độ và ngành nghề khác nhau. Nhu cầu này của nền kinh tế - xã hội đòi hỏi giáo dục phải đáp ứng.

b) *Xét về phương diện cung:* Chúng ta biết rằng, bản thân ngành giáo dục không tự trực tiếp sản xuất ra sản phẩm vật chất. Ngành giáo dục hoạt động dựa vào quỹ tiêu dùng trong tổng sản phẩm quốc gia. Nói cách khác, quy mô và cơ cấu phát triển giáo dục phụ thuộc vào thực trạng phát triển của nền kinh tế. Cụ thể là:

- 1) Kinh tế là điều kiện vật chất để phát triển giáo dục;
- 2) Kinh tế quyết định mục tiêu, nội dung và phương pháp giáo dục;
- 3) Kinh tế quyết định quy mô, tốc độ phát triển giáo dục và cơ cấu ngành nghề đào tạo;
- 4) Kinh tế quyết định hệ thống, cấu trúc của giáo dục.

3. Yếu tố giáo dục và giáo dục phân hoá đối với phát triển kinh tế-xã hội

Giáo dục luôn luôn là yếu tố quan trọng trong phát triển kinh tế của mỗi quốc gia. Vì vậy, hầu hết các quốc gia trên thế giới đều đặt giáo dục ở vị trí hàng đầu trong các ưu tiên phát triển kinh tế-xã hội của nước mình.

Giáo dục không chỉ là mục tiêu mà còn là động lực của sự phát triển kinh tế. Nếu giả thiết rằng kết quả của quá trình sản xuất phụ thuộc vào ba yếu tố chính là vốn, lao động và tiến bộ khoa học-công nghệ, thì giá trị sản xuất có thể thể hiện qua hàm Cobb-Douglas và có dạng như sau:



$$Q_t = A_t \cdot K_t^\alpha \cdot L_t^\beta$$

Trong đó Q_t là giá trị sản xuất hay GDP tính theo giá cố định; A_t là chỉ số về đóng góp của tiến bộ khoa học-công nghệ (còn gọi là tổng yếu tố năng suất); K_t là vốn cố định tính theo giá cố định và L_t là lao động (tính theo giờ hay người), α là hệ số đàn hồi của vốn cố định so với Q_t trong khi lao động không đổi, và β là hệ số đàn hồi của lao động so với Q_t trong khi vốn cố định không đổi.

Theo công thức trên thì nguồn gốc của sự giàu có không chỉ là tài nguyên thiên nhiên, vốn, kĩ thuật mà yếu tố ngày càng quan trọng và quyết định là nguồn lực con người, là tiềm năng sáng tạo của con người. Nhờ có giáo dục mà mỗi con người có năng lực trí tuệ, hiểu biết kĩ năng nghề nghiệp, tạo nên tư bản trí tuệ và được sử dụng trong suốt cuộc đời lập nghiệp của mỗi cá nhân. Nói rộng ra, quốc gia nào có khối lượng tri thức hàm chứa trong lực lượng lao động của mình nhiều hơn, cao hơn thì quốc gia đó có cơ hội lớn hơn trong việc dẫn đầu phát triển kinh tế.

Để làm sáng tỏ mối quan hệ giữa giáo dục-đào tạo với tăng trưởng kinh tế, dựa trên cơ sở số liệu năm 2003 về chỉ số phát triển giáo dục và chỉ số phát triển kinh tế, chúng tôi đã xây dựng hàm tương quan giữa hai chỉ số này ở Việt Nam như sau:

$$Y = 0,597X - 0,04 \text{ với hệ số tương quan } R = 0,71.$$

Trong đó: Y - Chỉ số phát triển kinh tế; X - Chỉ số phát triển giáo dục-đào tạo

Hàm tương quan trên cho thấy rằng mối quan hệ giữa chỉ số phát triển giáo dục với chỉ số phát triển kinh tế là mối quan hệ thuận và chặt. Nếu tăng chỉ số giáo dục lên 0,01 thì chỉ số phát triển kinh tế tăng lên 0,00597.

4. Các yêu cầu đối với giáo dục phân hoá ở phổ thông

Các phân tích ở trên cho thấy rằng giữa kinh tế - xã hội và giáo dục có tác động biện chứng với nhau, trong đó yếu tố kinh tế - xã hội có vai trò quyết định đối với quy mô và quá trình tổ chức giáo dục trong nhà trường. Kinh tế càng phát triển cả chiều rộng lẫn chiều sâu, quá trình chuyên môn hoá sản xuất càng phát triển sâu sắc càng tạo ra nhiều ngành nghề sản xuất và hoạt động xã hội phong phú, đa dạng, và đa

nhiên điều này bắt buộc giáo dục hình thành nhiều diện đào tạo, ngành nghề đào tạo khác nhau, và như là hệ quả, giáo dục phân hoá là hiện tượng tất yếu phải xảy ra.

Các yêu cầu đối với phân hoá giáo dục ở phổ thông:

1) Giáo dục phân hoá phải căn cứ vào trình độ phát triển kinh tế - xã hội và tốc độ phân hoá phải phù hợp với tốc độ chuyên môn hoá trong sản xuất - đời sống.

2) Giáo dục phân hoá phải căn cứ vào năng lực trí tuệ bẩm sinh của học sinh theo vùng địa lí, dân tộc và thành phần xã hội.

3) Giáo dục phân hoá phải căn cứ vào khả năng của nền kinh tế đảm bảo các điều kiện vật chất cho giáo dục.

4) Giáo dục phân hoá phải căn cứ vào phong tục tập quán cũng như trình độ quản lí, điều hành.

Tóm lại, giáo dục phân hoá trước hết phải xuất phát từ yêu cầu của nền kinh tế - xã hội, cụ thể là từ trình độ phát triển kinh tế - xã hội của một quốc gia. Bởi vì, nền kinh tế - xã hội vừa là tác nhân, vừa là điều kiện vật chất, vừa là mục đích của giáo dục phân hoá. Đến lượt mình, giáo dục phân hoá, ngoài cơ sở của nền kinh tế - xã hội, phải tính đến đặc điểm tâm sinh lí và trí tuệ, năng khiếu bẩm sinh của từng cá nhân, của từng vùng địa lí, của từng thành phần xã hội và dân tộc để tổ chức và thực hiện giáo dục phân hoá cho phù hợp, tránh bất chấp quy luật và mối quan hệ biện chứng giữa giáo dục phân hoá và sự phát triển của nền kinh tế - xã hội.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. X.L. Costanian, *Đối tượng và phương pháp nghiên cứu kinh tế học giáo dục*. Bản dịch của Viện Nghiên cứu ĐH&THCN. Hà Nội, 1981.
2. Cẩn Hy Bàn, *Kinh tế học giáo dục*, Bắc Kinh, 2001.
3. *Economics of education*. Washington DC, 1987.

SUMMARY

The article addresses the relationship between socioeconomic development and differentiation of school education, of which the author emphasizes the issues of: supply-demand in the economic-education interaction; socioeconomic factor and the education development in general and differentiated education in particular; education development and differentiated education on socioeconomic development.